

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Công văn số/SNNMT-QLĐĐ ngày /5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A	Trong ngân sách									
1	Khắc phục hậu quả thiên tai Cổng thoát nước tại tuyến đường UBND xã Ba Giang đi tổ Gò Lút, Gò Xuyên thuộc thôn Ba Nhà	24,90	24,90		24,9	DGT	Ba Giang	Tờ bản đồ xã Ba Giang	Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh	Đăng ký mới
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn Trường An	1,10	1,10		1,10	DGT	Ba Động	Tờ 21, 28, 29 (1/1000) xã Ba Động	Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
3	Cầu Nước Đen	0,62	0,62		0,62	DGT	Ba Vi	Tờ 5 (1/5000) và tờ 27, 33, 34 (1/1000) xã Ba Vi	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
4	Cầu Nước Vai	0,79	0,79		0,79	DGT	Ba Vi	Tờ 5 (1/5000) và tờ 6,12 (1/1000) xã Ba Vi	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
5	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Mang Đen	1,54	1,54		1,54	DGT	Ba Vi	Tờ 10 (1/5000) và tờ 33, 34, 40 (1/1000) xã Ba Vi	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
6	BTXM cầu Nước Vai đến địa phận thôn Mang Biều (xã Ba Tiêu)	1,38	1,38		1,38	DGT	Ba Vi, Ba Tiêu	Tờ 5 (1/5000) và tờ 6 (1/1000) xã Ba Vi; Tờ 9 (1/5000) và tờ 59 (1/1000) xã Ba Tiêu	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
7	Cầu - Đường: Gò Loa đi Ma Nghít	0,64	0,64		0,64	DGT	Ba Cung	Tờ 31 (1/1000) xã Ba Cung	Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
8	Cầu Pa Ranh	0,32	0,32		0,32	DGT	Ba Vi	Tờ 16, 22 (1/1000) xã Ba Vi	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
9	Đập KLăng 2	0,22	0,22		0,22	DTL	Ba Nam	Tờ 5 (1/5000) và tờ 17 (1/1000) xã Ba Nam	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 của HĐND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
10	Đập Nước Mạnh	0,41	0,41		0,41	DTL	Ba Động	Tờ 4 (1/5000) và tờ 41, 47 (1/1000) xã Ba Động	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 của HĐND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
11	Khu TĐC Tổ 6 thôn Gò Khôn	3,47	3,47		0,41	ONT	Ba Giang	Tờ 13 (1/5000) và tờ 26 (1/1000) xã Ba Giang	Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh	Đăng ký mới
12	Khu TĐC tập trung Tổ Sa Lung, thôn Cây Muối, xã Ba Trang	4,21	4,21		0,41	ONT	Ba Trang	Tờ 15 (1/5000) và tờ 97, 98 (1/1000) xã Ba Trang		Đăng ký mới
13	Đường Ba Tơ đi thôn Cây Muối xã Ba Trang	14,33	14,33		0,41	DGT	Ba Trang, Ba Khâm	Tờ số 69, 70, 80, 81, 101, 102, 109, 110 (1/1000) và 07, 08, 16, 24, 27 (1/5000) và mảnh số 10-632596 (1/1000) xã Ba Trang; Tờ số 69 (1/5000) và mảnh số 10-632596 (1/1000) xã Ba Khâm	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
14	Khu tái định cư tập trung Tổ Đèo Ai, thôn Nước Đàng, xã Ba Trang	4,70	4,70		0,41	ONT	xã Ba Trang	Tờ 17 (1/5000) và tờ 58, 59 (1/1000) xã Ba Trang	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
15	Khu tái định cư tổ 4 thôn Nước Lãng, xã Ba Xa	5,42	5,42		0,41	ONT	xã Ba Xa	Tờ 05 (1/5000) và tờ 48 (1/1000) xã Ba Xa	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
B	Ngoài ngân sách									
1	Dự án Khu dân cư đô thị mới Ba Tơ	7,86	7,86			ODT	Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ	Tờ bản đồ địa chính số 2, 5, 6, và 7 thị trấn Ba Tơ	Quyết định Chủ trương đầu tư số 67/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 22/11/2024.	Đơn vị chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị mới Quảng Ngãi.
2	Dự án thủy điện Sông Liên 2	53,07	11,82	14,90	11,82	DNL	Thị trấn Ba Tơ và các xã: Ba Bích, Ba Lễ.	- Tờ bản đồ số: 4, 11, 13, 19, 33, 34, 35, 43, 44, 45, 53, 54 (bản đồ địa chính 1/1000). Tờ bản đồ số 1, 7, 8 (bản đồ Lâm nghiệp 1/5000) xã Ba Bích. Tờ bản đồ số: 03, 8, 09, 13,18, 23, 24, 28, 31 (Bản đồ địa chính 1/1000, 1/2000). Tờ bản đồ số 02, 04 (Bản đồ Lâm nghiệp 1/5000). Thị trấn Ba Tơ. Tờ bản đồ số: 03 (Bản đồ Lâm nghiệp 1/5000) xã Ba Lễ - Tờ bản đồ số 3,4,5,6,10,11 tỷ lệ 1/1000 xã Ba Lễ - Tờ bản đồ số 02, 03 tỷ lệ 1/5000 xã Ba Lễ - Tờ bản đồ số 7, 13 tỷ lệ 1/5000 xã Ba Bích	Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt CTĐT; Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh.	Tổng diện tích đã được phê duyệt Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 là 53,07ha. Đã thực hiện thu hồi 41,25ha, còn lại 11,82ha chưa thu hồi.
3	Dự án thủy điện Long Sơn (theo quy mô công suất 18MW)	0,04	0,04		0,04	DNL	xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	Quyết định Chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 (điều chỉnh lần 1); Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện Ba Tơ; Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Ba Tơ.	Bổ sung đường dây đầu nối 22kV
4	Thủy điện ĐăkRe 2	18,34	1,19			DNL	Xã Ba Xa, huyện Ba Tơ	Tờ bản đồ số 3 và số 5, đã được Sứ Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 26/12/2023	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh về việc quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.	

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
5	Hạng mục đường dây 110Kv đấu nối nhà máy thủy điện ĐăkRe vào hệ thống điện Quốc gia	1,46	1,46			DNL	Các xã: Ba Xa, Ba Vi, Ba Dinh, Ba Cung, Ba Thành, Ba Động, Ba Liên và thị trấn Ba Tơ	Tờ bản đồ địa chính số 1,2,3,4,5,6 xã Ba Xa; tờ BĐ ĐC số 1,2,3 xã Ba Vi; tờ BĐ ĐC số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 xã Ba Dinh; tờ BĐ ĐC số 1, 2, 3, 4, 5 thị trấn Ba Tơ; tờ BĐ ĐC số 1, 2, 3, 4, 5 xã Ba Cung; tờ BĐ ĐC số 1, 2, 3, 4, 5; tờ BĐ ĐC số 1, 2, 3, 4, 5 xã Ba Thành; tờ BĐ ĐC số 1, 2, 3, 4, 5 xã Ba Động; tờ BĐ ĐC số 1, 2, 3, 4 xã Ba Liên.	Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Kom Tum về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thủy điện DawkRe.	
	Tổng cộng:	144,82	86,42	14,90	20,93					

Phụ biểu 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Công văn số/SNNMT-QLĐĐ ngày /5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)						Địa điểm (đền cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú	
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích					Rừng tự nhiên (RSN)
						LUC	LUK								
A	Trong ngân sách														
1	Khắc phục hậu quả thiên tai tại Cống thoát nước tại tuyến đường UBND xã Ba Giang đi tổ Gò Lút, Gò Xuyên thuộc thôn Ba Nhà	24,90	24,90		0,1	0,1			2,5	22,3		Ba Giang	Tờ bản đồ xã Ba Giang	Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh	Đăng ký mới
2	Cầu Nước Đen	0,62	0,62		0,30003	0,3	0,00003					Ba Vi	Tờ 5 (1/5000) và tờ 27, 33, 34 (1/1000) xã Ba Vi	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
3	Cầu Nước Vai	0,79	0,79		0,16	0,09	0,07					Ba Vi	Tờ 5 (1/5000) và tờ 6, 12 (1/1000) xã Ba Vi	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
4	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Mang Đen đi Mang Cảnh	1,54	1,54		0,02	0,02						Ba Vi	Tờ 10 (1/5000) và tờ 33, 34, 40 (1/1000) xã Ba Vi	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
5	BTXM cầu Nước Vai đến địa phận thôn Mang Biều (xã Ba Tiêu)	1,38	1,38		0,02	0,02						Ba Vi, Ba Tiêu	Tờ 5 (1/5000) và tờ 6 (1/1000) xã Ba Vi; Tờ 9 (1/5000) và tờ 59 (1/1000) xã Ba Tiêu	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
6	Cầu - Đường: Gò Loa đi Ma Nghít	0,64	0,64		0,40	0,28	0,12					Ba Cung	Tờ 31 (1/1000) xã Ba Cung	Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
7	Cầu Pa Ranh	0,32	0,32		0,02	0,01	0,01					Ba Vi	Tờ 16, 22 (1/1000) xã Ba Vi	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
8	Đập KLăng 2	0,22	0,22		0,06	0,06				0,01		Ba Nam	Tờ 5 (1/5000) và tờ 17 (1/1000) xã Ba Nam	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 của HĐND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
9	Đập Nước Mạnh	0,41	0,41		0,11	0,1	0,01			0,05		Ba Động	Tờ 4 (1/5000) và tờ 41, 47 (1/1000) xã Ba Động	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 của HĐND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
10	Khu TĐC Tổ 6 thôn Gò Khôn	3,47	3,47							3,3		Ba Giang	Tờ 13 (1/5000) và tờ 26 (1/1000) xã Ba Giang	Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh	Đăng ký mới
11	Khu TĐC tập trung Tổ Sa Lung, thôn Cây Muối, xã Ba Trang	4,21	4,21							2,2		Ba Trang	Tờ 15 (1/5000) và tờ 97, 98 (1/1000) xã Ba Trang		Đăng ký mới

[illegible]

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú	
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)						
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	Rừng tự nhiên (RSN)					
						LUC	LUK									
1	Dự án thủy điện Long Sơn (theo quy mô công suất 18MW)	0,04	0,04		0,02	0,02					0,01		xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	Quyết định Chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 (điều chỉnh lần 1); Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện Ba Tơ; Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung,	Đăng ký mới
2	Dự án Khu dân cư đô thị mới Ba Tơ	7,86	7,86		4,95	4,33	0,62						Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ	Tờ bản đồ địa chính số 2, 5, 6, và 7 thị trấn Ba Tơ	Quyết định Chủ trương đầu tư số 67/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; Quyết định chấp thuận	Đăng ký mới

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	Rừng tự nhiên (RSN)				
						LUC	LUK								
3	Thủy điện Sông Liên 2	53,07	11,82		0,06	0,06				3,20		Thị trấn Ba Tơ và các xã: Ba Bích, Ba Lễ.	- Tờ bản đồ số: 4, 11, 13, 19, 33, 34, 35, 43, 44, 45, 53, 54 (bản đồ địa chính 1/1000). Tờ bản đồ số 1, 7, 8 (bản đồ Lâm nghiệp 1/5000) xã Ba Bích. Tờ bản đồ số: 03, 8, 09, 13,18, 23, 24, 28, 31 (Bản đồ địa chính 1/1000, 1/2000). Tờ bản đồ số 02, 04 (Bản đồ Lâm nghiệp 1/5000). Thị trấn Ba Tơ. Tờ bản đồ số: 03 (Bản đồ Lâm nghiệp 1/5000) xã Ba Lễ - Tờ bản đồ số 3,4,5,6,10,11 tỷ lệ 1/1000 xã Ba Lễ - Tờ bản đồ số 02, 03 tỷ lệ 1/5000 xã Ba Lễ - Tờ bản đồ số 7, 13 tỷ lệ 1/5000 xã Ba Bích	QĐ số 102/QĐ-UBND ngày 31/1/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt CTĐT và được điều chỉnh tại QĐ số 1297/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 và QĐ 377/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đã được thông qua tại nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 với diện tích đất lúa 4,57 ha và đất rừng sản xuất 6,56 ha nay xin điều chỉnh thêm đất lúa 0,06 ha, đất rừng sản xuất 3,20 ha và xin điều chỉnh tờ Tờ bản đồ số 3,4,5,6,10,11 tỷ lệ 1/1000; tờ bản đồ số 2,3 tỷ lệ 1/5000 xã Ba Lễ và tờ bản đồ số 53,54 tỷ lệ 1/1000; tờ bản đồ số 7,13 tỷ lệ 1/5000 xã Ba Bích thành '- Tờ bản đồ số:
	Tổng cộng:	127,42	86,17	0,00	6,94	6,11	0,83	0,00	12,50	39,19	0,00				

Phụ biểu 03

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 HUYỆN BA TÔ

(Kèm theo Công văn số/SNNMT-QLĐĐ ngày /5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2025	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô	xã Ba Tô	3,50	3,50	0	2,92	3,50	0,00	0,00	3,50	Thực hiện thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất trong năm 2025 để thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất cho các hộ tái định cư	
	Tổng cộng		3,50	3,50	0,00	2,92	3,50	0,00	0,00	3,50		